

Bình Nguyễn (2023). Một số giải pháp thúc đẩy tự chủ đại học tại các Trường Đại học Kinh tế và Quản lý. *Đặc san Nghiên cứu Chính sách và Phát triển*, 1(2023), 153-164

Đặc san Nghiên cứu
Chính sách
và Phát triển

© Học viện
Chính sách
và Phát triển, 2022
© CSR, 2023

Bài báo khoa học

Một số giải pháp thúc đẩy tự chủ đại học tại các Trường Đại học Kinh tế và Quản lý

Nguyễn Thanh Bình (TS.)

Học viện Chính sách và Phát triển.

Email: nguyenthanhbinhapd@apd.edu.vn

Tóm tắt

Tự chủ đại học ở các trường đại học kinh tế đang trở thành xu hướng mạnh mẽ ở Việt Nam, đây là chủ trương đúng của Đảng, Nhà nước nhằm thúc đẩy các trường đại học kinh tế tăng tính tự chủ, giảm phụ thuộc vào ngân sách. Chủ trương này thể hiện sự đúng đắn khi số lượng trường đại học kinh tế tự chủ ngày càng nhiều, đã thúc đẩy đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế, đào tạo chất lượng cao, đem lại sự thành công cho các trường tự chủ. Ngược lại, nhiều trường đại học kinh tế chưa tự chủ đại học, đang có gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn chưa có giải pháp tháo gỡ để tự chủ. Bài viết này tác giả muốn trình bày xu hướng tự chủ đại học đang diễn ra ở Việt Nam để đưa ra giải pháp để các trường đại học kinh tế chưa tự chủ đại học xây dựng lộ trình, chuẩn bị các tiền đề để tự chủ thành công.

Từ khóa: tự chủ đại học, tự chủ tài chính, đại học công lập,...

Abstract

University autonomy in economic universities is becoming a strong trend in Vietnam; this is the right policy of the Party and State to promote economic universities to increase autonomy, and reduce dependency on the budget. This policy shows the correctness when autonomous economic universities are rising, promoting training according to international standards, high-quality training, and bringing success to autonomous schools. On the contrary, many economic universities are not yet self-sufficient and face many difficulties but still have not found solutions to self-governing. In this article, the author wants to present the ongoing trend of university autonomy in Vietnam to provide solutions for economic universities that are not yet autonomous to build a roadmap and prepare the prerequisites for university autonomy.

Keywords: university autonomy, financial autonomy Public Universities....

Ngày nhận bài:

15/11/2022

Bản sửa lần 1:

23/11/2022

Ngày duyệt bài:

10/12/2022

Mã số: ĐS160123

1. Khái niệm tự chủ đại học

Tự chủ đại học có nhiều cách hiểu nhưng đây là thuật ngữ thường được sử dụng trong quá trình tăng cường các quyền tự chủ của cơ sở đào tạo đại học công lập hoặc các trường có sở hữu khác nhưng được hỗ trợ nguồn lực, kinh phí từ ngân sách. Do vậy, tự chủ đại học thường được xem như quá trình giảm bớt phụ thuộc các nguồn lực từ ngân sách đồng thời gia tăng quyền quyết định trong điều hành cho các cơ sở đào tạo đại học.

Theo Reehana Raza (2009), tự chủ đại học thường là quá trình tự chủ trên các phương diện ngân sách, quyết định tài chính, quyền tuyển dụng, quyền mua sắm và ký kết hợp đồng (Reehana Raza, 2009, bảng 1 trang 5). Tác giả này cũng phân chia các quốc gia thành các khu vực địa lý và chỉ ra “Các nước theo mô hình Âu, Mỹ thường có mức độ tự chủ đại học cao hơn các quốc gia trong khu vực Châu Á như Trung Quốc, Indonesia, Malaysia, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, Srilanka (Reehana Raza, 2009, bảng 1 trang 5 và 6). Như vậy, tác giả này nhấn mạnh đến tự chủ về tài chính, quyết định ngân sách, chi tiêu và tự chủ tuyển dụng nhân sự, chưa nhắc đến tự chủ về học thuật. Một phần cũng do nhiều các trường đại học ở các nước Âu, Mỹ đã tự chủ về học thuật và vấn đề tự chủ học thuật là đương nhiên, khác với các nước đang phát triển hay nền kinh tế chuyển đổi từ kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa như Việt Nam.

Theo Anderson & Johnson (1998) các thành tố trong tự chủ đại học bao gồm: Tự chủ về nguồn nhân lực; Tự chủ về quản lý sinh viên; Tự chủ về học thuật và các chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy; Tự chủ về chuẩn mực đào tạo; Tự chủ

về đào tạo cao học và quyền tự do xuất bản; Tự chủ về tài chính; Tự chủ về hành chính (Hoàng Thị Xuân Hoa, 12/2022, bản tin số 253 Đại học quốc gia). Như vậy, khái niệm tự chủ đại học của Anderson & Johnson rất rộng bao gồm tự chủ hầu hết các hoạt động của một cơ sở đào tạo đại học.

Ở Việt Nam, có nhiều văn bản đã nêu vấn đề tự chủ đại học. Theo khoản 11 Điều 4 Luật giáo dục đại học 2012, sửa đổi bổ sung năm 2018 có nêu quyền tự chủ đại học của các cơ sở đào tạo đại học được: Tự xác định mục tiêu và lựa chọn cách thức thực hiện mục tiêu; Tự quyết định và có trách nhiệm giải trình về hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản và hoạt động khác trên cơ sở quy định của pháp luật và năng lực của cơ sở giáo dục đại học; Trong đó, cơ sở giáo dục đại học là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện chức năng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, hoạt động khoa học và công nghệ, phục vụ cộng đồng.

Theo điều 32 của Luật giáo dục đại học 2012 sửa đổi bổ sung năm 2018 (Luật số 34/2018/Qh14) tự chủ đại học gồm 3 nội dung tự chủ:

- Quyền tự chủ trong học thuật, trong hoạt động chuyên môn bao gồm ban hành, tổ chức thực hiện tiêu chuẩn, chính sách chất lượng, mở ngành, tuyển sinh, đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật.

- Quyền tự chủ trong tổ chức và nhân sự bao gồm ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về cơ cấu tổ chức, cơ cấu lao động, danh mục, tiêu chuẩn, chế độ của từng vị trí việc làm; tuyển dụng, sử dụng và cho thôi việc đối với giảng viên, viên chức và người lao động khác, quyết định nhân sự

quản trị, quản lý trong cơ sở giáo dục đại học phù hợp với quy định của pháp luật.

- Quyền tự chủ trong tài chính và tài sản bao gồm ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về nguồn thu, quản lý và sử dụng nguồn tài chính, tài sản; thu hút nguồn vốn đầu tư phát triển; chính sách học phí, học bổng cho sinh viên và chính sách khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi so sánh khái niệm tự chủ đại học của các tác giả nước ngoài và các quy định về tự chủ đại học trong Luật giáo dục của Việt Nam, có thể thấy khái niệm tự chủ đại học của một số quốc gia rộng hơn ở Việt Nam. Tự chủ đại học của Việt Nam tập trung vào 3 nội dung chính: (1) Tự chủ về học thuật (2) Tự chủ về tổ chức và nhân sự (3) Tự chủ về tài chính và tài sản. Do vậy, khái niệm tự chủ trong bài viết này được sử dụng theo Luật Việt Nam tập trung vào tự chủ đại học ở 3 phương diện trên.

2. Bối cảnh thị trường giáo dục và xu hướng tự chủ

Trong những năm gần đây, nhà nước có chủ trương thúc đẩy tự chủ đại học ở các ngành nghề xã hội chấp nhận trả học phí cao để nhận được dịch vụ đào tạo tương xứng. Chủ trương này là đúng khi ngân sách nhà nước còn hạn chế, cần tập trung cho các cấp đào tạo phổ thông. Ở cấp độ cao đẳng và đại học, nhà nước vẫn chủ trương hỗ trợ kinh tế cho các ngành: hướng nghiệp và đào tạo nghề, đào tạo các ngành STEM và ngành chính sách ... là một số ngành nền kinh tế thiếu nhân lực. Các ngành khoa học cơ bản, sư phạm, kỹ thuật, nông nghiệp, môi trường đang thiếu nhân lực trong quá trình nền kinh tế công nghiệp hoá nhưng thị trường có xu hướng thích các ngành “hot” như: Kinh tế và quản lý, chỉ một số ngành kỹ thuật có thể mạnh như công nghệ thông tin,

điện tử ... mới được người học đánh giá cao.

Từ phía người học, khi GDP tăng lên, một bộ phận gia đình người học có điều kiện kinh tế thuộc tầng lớp trung lưu quan tâm nhiều hơn đến chất lượng đào tạo, hơn là học phí rẻ. Nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, đào tạo theo chuẩn quốc tế với giá cạnh ở Việt Nam đang ngày càng trở thành xu thế phục vụ tầng lớp trung lưu vì nhiều người trong số họ không đủ điều kiện tài trợ cho con học nước ngoài. Lựa chọn phân khúc đào tạo chất lượng cao trong nước hợp với nhu cầu của các gia đình này. Do vậy, ở các đô thị lớn như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh đã bùng nổ các loại hình đào tạo chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, có mức nộp học phí chủ yếu giao động từ 30 triệu/năm đến 100 triệu/năm tùy theo từng loại hình, mức chi phí này hoàn toàn đủ bù đắp chi phí đào tạo chất lượng cao của các trường đại học ở Việt Nam.

Năm 2022, nền kinh tế Việt Nam có tốc độ tăng trưởng dự kiến trên 8%, GDP đầu người dự kiến gần 4000 USD/người (tác giả dự báo căn cứ từ số liệu GDP 9 tháng đầu năm 2022 là 8,8% và GDP đầu người năm 2021). Chủ trương chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong nền kinh tế được Đảng và Nhà nước rất chú trọng. Do vậy, yêu cầu đổi mới, nâng cấp giáo dục đào tạo là rất cấp thiết, đòi hỏi các cơ sở giáo dục đại học phải nâng cao chất lượng, đổi mới mô hình quản lý và thúc đẩy tự chủ đào tạo theo định hướng đào tạo chất lượng cao.

3. Tự chủ đại học ở Việt Nam và mức độ tự chủ ở một số trường kinh tế và quản lý

1.1. Xu thế tự chủ đại học ở Việt Nam

Theo khảo sát, hiện doanh thu và đổi mới đào tạo đại học của các trường đại học ở Việt Nam đang diễn ra mạnh mẽ. Tại hộ

ng nghị tự chủ giáo dục đào tạo ngày 4/8/2022, thống kê top 10 trường có tổng doanh thu cao nhất Việt Nam gồm 6 trường đại học công lập tự chủ trong đó có 5 trường thí điểm theo Nghị quyết 77/NQ-CP và trường Đại học Bách khoa - Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh và 4 trường tư thục. Trong số này có 2 trường đại học công lập đào tạo kinh tế và quản lý là Đại học Kinh tế Quốc dân và Đại học Kinh tế Quốc dân TP Hồ Chí Minh (Thanh Xuân, 2022, trang1).

Cũng theo Hội nghị tổng kết trên, tổng thu ngoài ngân sách của các trường Đại học tự chủ và thí điểm tự chủ tăng mạnh. Thu nhập giảng viên, cán bộ của 23 trường đại học tự chủ theo Nghị 77 tăng 26,1% và 24,4%, mức tăng này cao hơn nhiều so với mức tăng bình quân các trường đại học là tăng 20,8% và 18,7%.

Tại Hội nghị tổng kết này Phó thủ tướng Nguyễn Đức Đam đã khẳng định “chúng ta đã đi đúng, làm tốt, nhưng vẫn cần phải cố gắng hơn nữa để bắt kịp và vượt các nước trong khu vực. Đồng thời Phó Thủ tướng lưu

ý, tự chủ, tự quản không phải là tự do, không có sự quản lý của nhà nước. Các trường đại học tự chủ phải tuân thủ pháp luật, gắn với trách nhiệm giải trình. Đây cũng là xu thế chung các nước trên thế giới” (Thanh Xuân, 2022, trang1).

1.2. Tự chủ đại học ở một số trường kinh tế tư

Các trường đại học kinh tế đã thúc đẩy tự chủ vì có nhiều ngành được xã hội ưa thích, đang thực hiện nâng cấp chất lượng đào tạo mạnh mẽ. Hiện nay, nhiều trường đại học trong top 10 trong lĩnh vực kinh tế và quản lý đã thực hiện tự chủ, trong đó các trường đại học lớn trực thuộc Bộ giáo dục thường đi tiên phong, thực hiện tự chủ sớm. Các trường chưa tự đã dần nhận thức được lợi thế tự chủ và sẽ có xu hướng thúc đẩy tự đại học để nâng cao năng lực đào tạo và thúc đẩy đào tạo chất lượng cao. Trong bảng dưới đây thống kê điểm và tự chủ của 10 trường đại học kinh tế được đã ký thoả thuận liên thông tín chỉ, được thị trường Việt Nam đánh giá cao ở Việt Nam:

Bảng 1: Tình trạng tự chủ và điểm đầu vào của 10 trường đại học kinh tế ký thoả thuận liên thông tín chỉ.

TT	Tên trường	Điểm đầu vào năm 2022	Tình trạng tự chủ	Mức độ tiên phong trong đào tạo các hệ liên kết, tiên tiến, chất lượng cao
1	Trường Đại học Ngoại thương	27.5 - 28.4	Đã tự chủ	Mức cao
2	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	26.25 - 28,6	Đã tự chủ	Mức cao
3	Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh	23,6 - 27,8	Đã tự chủ	Mức cao
4	Trường Đại học Thương mại	26.15 - 27.1	Đã tự chủ	Mức cao
5	Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia*	33.05 - 35	Đã tự chủ	Mức cao

6	Học viện Ngân hàng	24 - 28.05	Chưa tự chủ	Mức khá
7	Học viện Tài chính**	25.45 - 26.2	Chưa tự chủ	Mức khá cao
8	Học viện Chính sách và Phát triển	24,2 - 27	Chưa tự chủ	Mức trung bình
9	Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng	23,5 - 26	Đã tự chủ	Mức khá
10	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	16 - 23	Chưa tự chủ	Mức thấp

Ghi chú: * Điểm đầu vào nhân 2 ngoại ngữ. Đại học kinh tế, đại Đại học quốc gia không đào tạo hệ đại trà học phí thấp, học phí từ 42 triệu/năm trở lên.

** Học viện Tài chính tuyển sinh cả hệ chất lượng cao nhân đôi tiếng Anh, trong bảng chỉ thống kê hệ đại trà tính điểm trung bình 3 môn để tiện so sánh.

Có thể thấy, các trường đại học thuộc Bộ giáo dục có xu hướng tự chủ sớm hơn các trường đại học thuộc các Bộ chủ quản. Khi tự chủ sớm, định hướng triển khai các ngành đào tạo theo hướng chất lượng cao được thúc đẩy mạnh mẽ hơn, thậm chí Trường Đại học Kinh tế - Đại học quốc gia không tuyển sinh hệ đại trà, chi phí thấp. Điểm đầu vào của các trường đã tự chủ vẫn giữ được ở mức cao, không bị giảm điểm tuyển sinh xuống hạng thấp hơn sau khi tự chủ.

Một ví dụ điển hình về sự tiến bộ sau tự chủ là trường hợp Đại học Thương mại. Trước khi tự chủ, Đại học thương mại và Học viện Tài chính, Học viện Ngân hàng có thể được xếp hạng tương đồng về điểm chuẩn, thu nhập giảng viên, thương hiệu. Tuy nhiên, sau khi tự chủ Đại học Thương mại đã có những tiến bộ vượt bậc về thương hiệu, điểm chuẩn, số lượng ngành đào tạo chất lượng cao, thu nhập giảng viên. Một ví dụ thành công khác về tự chủ là Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng dù ở địa miền trung, dân số và khó khăn tuyển sinh hơn so với các trường Đại học, Học viện ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng đã tiên phong thí điểm mô hình tự chủ và có kết quả tích cực. Trường

đã tự chủ thành công, điểm chuẩn đầu vào của trường khá cao, có thể cạnh tranh với nhiều trường ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.

Quan sát một số Học viện có thương hiệu thuộc bộ chủ quản ở Hà Nội cho thấy, việc các trường đại học trực thuộc Bộ chủ quản có danh tiếng, truyền thống, chất lượng đội ngũ giảng viên, vị trí trường tốt như Học viện Ngoại giao, Học viện Tài chính, Học viện Ngân chuyển sang tự chủ muộn hơn so với các trường trực thuộc Bộ giáo dục đào tạo. Theo tôi, việc tự chủ muộn của các Học viện có uy tín cao, đủ điều kiện tự chủ kể trên do các nguyên nhân chính sau:

Thứ nhất, cơ chế khuyến khích của các trường thuộc Bộ giáo dục mạnh hơn các trường thuộc bộ chủ quản. Bộ giáo dục đã chủ trương thí điểm một số trường lớn thuộc bộ thực hiện tự chủ. Sau khi thí điểm các trường tự chủ và có sự thành công đã tạo sự khích lệ rất mạnh mẽ cho các trường khác. Luật giáo dục đại học mới tuy còn nhiều vướng mắc nhưng đã đưa ra được mô hình quản trị đại học phù hợp hơn với chuẩn quốc tế. Do vậy, Bộ giáo dục đào tạo đã tiên phong thúc đẩy tự chủ để thí điểm, đang là minh chứng thành công để thúc đẩy xu thế tự chủ cho các trường chưa tự chủ.

Thứ hai, cơ chế quản lý nhân sự, tài chính của Bộ chủ quản thường chặt chẽ hơn Bộ giáo dục. Thường một bộ chủ quản chỉ có một trường đại học nên được quan tâm hỗ trợ kinh phí, tạo điều kiện hình thành cơ sở vật chất. Các hoạt động của các Học viện thuộc Bộ chủ quản thường theo định hướng của Bộ chủ quản. Nhân lực của các Học viện chưa tự chủ là viên chức, được xác định biên chế của Bộ chủ quản nên được quản lý chặt chẽ. Lực lượng lãnh đạo quản lý có thể được luân chuyển từ bộ chủ quản sang cơ sở đào tạo và ngược lại. Do vậy, sự ràng buộc, mối quan hệ của Bộ chủ quản với các Học viện dường như chặt chẽ hơn. Điều này sẽ tốt đối với các trường còn nhỏ, mới thành lập, chưa có cơ sở vật, danh tiếng chất để đứng tự chủ. Ngược lại, một số Học viện có danh tiếng, hoàn toàn đủ năng lực tự chủ thì cơ chế quản lý chặt chẽ, mối quan hệ mật thiết với Bộ chủ quản đôi khi lại là rào cản khiến các Học viện trực thuộc bộ ngại tự chủ.

Thứ ba, mức độ khuyến khích, thúc đẩy lộ trình tự chủ của các Học viện chưa được các Bộ chủ quản thực hiện mạnh mẽ để các Học viện đẩy nhanh quá trình tự chủ. Do vậy, công tác tự chủ của các Học viện thuộc Bộ đã có tiến độ chậm hơn khá nhiều so với các trường thuộc Bộ giáo dục.

Thứ tư, đội ngũ lãnh đạo các Học viện thuộc bộ dường như thiếu sự quyết tâm tự chủ hơn so với đội ngũ lãnh đạo các trường đại học thuộc Bộ giáo dục. Có thể chính do mối quan hệ chặt chẽ giữa Học viện và Bộ chủ quản, các trường đào tạo thuộc Bộ chủ quản thường có chủ trương, định hướng đào tạo những ngành của Bộ chủ quản nên là rào cản tự chủ bởi vì tự chủ là phải cạnh tranh trên thị trường giáo dục. Trường tự chủ buộc phải tăng cường đào tạo những ngành thị trường có nhu cầu cao, người học

sẵn sàng chi trả học phí cao do không còn được nhận nhiều sự trợ giúp từ nhà nước như trước khi tự chủ.

Có thể nói, chủ trương thúc đẩy tự chủ đại học ở Việt Nam đã qua giai đoạn thí điểm, nhiều trường đại học công lập đã nhận thức được xu hướng tự chủ đại học đang có tác động tích cực tới các hoạt động, thương hiệu, uy tín và chất lượng đào tạo. Tự chủ đại học cũng tạo ra môi trường giáo dục tốt hơn, tạo thu nhập hấp dẫn để khuyến khích người lao động gắn kết lâu dài với nhà trường. Về phía xã hội, người học cũng có phản ứng tích cực khi xếp hạng điểm đầu vào của các trường tự chủ không bị suy giảm cho thấy người học có nhận thức đầy đủ về chất lượng, chi phí đào tạo, uy tín của các trường đại học trong quyết định chọn trường.

1.3. Ưu và nhược điểm khi tự chủ đại học

Tự chủ đại học đối với các trường kinh tế và quản lý đang là xu thế phát triển mạnh ở Việt Nam vì cơ chế tự chủ đã cởi trói cho các trường đại học, giúp các trường đại học được tự do phát triển về học thuật, phát triển đội ngũ và tự chủ về tài chính. Theo tác giả, hiện nay có 3 xu thế trong tự chủ đại học ở các trường Đại học công lập (1) Muốn tự chủ nhanh để tận dụng lợi thế, nâng cao năng lực cạnh tranh và nâng cao chất lượng đào tạo (2) Muốn có lộ trình tự chủ từ từ phù hợp với điều kiện thực tế (3) Lo ngại, thậm chí sợ tự chủ đại học vì sợ không gánh nổi kinh phí đào tạo. Vậy tự chủ đại học có ưu nhược điểm gì?

1.4. Ưu điểm khi thực hiện tự chủ đại học

Thực tế cho thấy, Các trường thí điểm tự chủ sớm đã cho thấy sự thành công như Đại học Ngoại thương, Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Thương mại và Đại học Kinh

tế thuộc Đại học Quốc gia. Chỉ sau một thời gian được tự do hơn về học thuật, quản lý nhân lực, tài chính các trường đại học tự chủ đã có bước tiến lớn về:

Thứ nhất, thu nhập và chất lượng của đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý tăng cao. Có thể nói, đội ngũ giảng viên đại học thường là những người có tri thức, có khả năng truyền đạt thuyết phục người khác, có đạo đức lối sống chuẩn mực. Đội ngũ giảng viên đại học trong lĩnh vực kinh tế, quản lý lại có khả năng tiếp cận, làm việc ở nhiều môi trường khác nhau trong nền kinh tế thị trường. Nhiều trường đại học ở nước ngoài giảng dạy về kinh tế, quản lý còn yêu cầu giảng viên phải có hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực giảng dạy. Giảng viên giỏi trong lĩnh vực kinh tế thường được đào tạo bài bản, họ có thể có cơ hội làm việc trong nhiều lĩnh vực, tổ chức của nền kinh tế với mức thu nhập cạnh tranh. Chính vì vậy, các trường chưa tự chủ nếu cơ chế đãi ngộ giảng viên kém cạnh tranh sẽ gặp khó khăn khi phát triển được đội ngũ giảng viên có trình độ cao. Thậm chí, một số giảng viên có trình độ cao nhất, có năng lực nhất ở các trường chưa tự chủ có thể chuyển công tác sang các trường đại học dân lập, đại học tự chủ có thu nhập cao hơn. Do vậy, việc tự chủ tài chính đã giúp các trường lớn đủ sức hút để giữ các giảng viên giỏi, tuyển dụng các tài năng, người được đào tạo bài bản làm giảng viên.

Thứ hai, được tự chủ về chính sách học phí và chi phí đào tạo. Với các trường chưa tự chủ và được hỗ trợ ngân sách nhà nước, thu học phí theo quy định là một trong những rào cản phát triển. Với mức học phí theo quy định là khá thấp, các trường này sẽ có mức chi phí cho đào tạo khiêm tốn hơn. Do vậy, khi tự chủ rào cản về học phí

đào tạo được tháo bỏ, mức thu trung bình/người học sẽ cao hơn, các trường sẽ đầu tư nhiều hơn cho chất lượng giảng viên, cơ sở vật chất và các hoạt động đào tạo nên các chương trình đào tạo chất lượng được nâng lên rõ rệt. Thậm chí, một số trường đại học chỉ đào tạo hệ chất lượng cao như Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia (UEB). Mức thu học phí năm 2022 của sinh viên mới tại UEB gần gấp đôi hệ đại trà của Trường đại học Ngoại Thương (FTU), Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (NEU) và gần gấp 4 lần Học viện Chính sách và Phát triển (APD), công tác tuyển sinh năm 2022 của UEB vẫn thành công với điểm đầu vào khá cao.

Thứ ba, tự chủ đại học giúp các trường chủ động quản lý nhân sự hơn. Đối với các trường đại học, phát triển đội ngũ giảng viên, đội ngũ quản lý giỏi mang yếu tố sống còn trong nền kinh tế thị trường. Khi tự chủ đại học, các trường đại học phải xác định lực lượng nhân sự giỏi mang tính chất quyết định sự phát triển của tổ chức. Họ sẽ có xu thế xây dựng chế độ tuyển dụng, đãi ngộ đặc thù, phù hợp với yêu cầu đào tạo chất lượng cao. Do vậy, quy chế tuyển dụng người giỏi, sa thải cán bộ, giảng viên không phù hợp sẽ được hình thành để vận hành phù hợp với cơ chế thị trường, giảm bớt rào cản chưa phù hợp của cơ chế viên chức, tuyển dụng biên chế.

Khi chưa tự chủ, do phụ thuộc vào biên chế nên các trường đại học gặp rào cản lớn trong tuyển dụng giảng viên, trả lương cho giảng viên vì phải tuân theo các quy định của pháp luật đối với viên chức, phải theo chỉ tiêu biên chế được Bộ chủ quản phân bổ. Do vậy, việc thi tuyển phải có kế hoạch từ trước, được duyệt chỉ tiêu viên chức. Thực tế cho thấy, quy trình tuyển dụng viên chức giảng viên có nhiều điểm chưa phù hợp với

việc tuyển dụng giảng viên đại học do tính đặc thù của nghề nghiệp giảng viên đại học đòi hỏi người được đào tạo bài bản, có năng lực cao, ưu tiên người kinh nghiệm thực tiễn. Tuy nhiên, tiêu chuẩn tuyển dụng viên chức chặt chẽ và chế độ đãi ngộ, tuyển dụng không có sự phân biệt nhiều giữa các vị trí ứng tuyển theo cơ chế thoả thuận. Do vậy, nhiều trường hợp không thể tuyển được những người có tài năng, học tập ở nước ngoài hay có kinh nghiệm ở các cơ quan ngoài nhà nước, giảng viên nước ngoài do thiếu cơ chế đàm phán, cơ chế trả lương theo năng lực, trả lương cạnh tranh theo thị trường lao động.

Ví dụ: Một người học tiến sỹ, hành nghề quản lý cấp cao ở ngân hàng, doanh nghiệp, công ty chứng khoán muốn tuyển dụng vị trí giảng viên nhưng chỉ được xếp lương tương đương với một tiến sỹ vừa tốt nghiệp, có cùng thâm niên công tác. Hơn nữa, nhiều đơn vị không có cơ chế xét tuyển nhân tài, khi dự tuyển vẫn phải thi, phỏng vấn theo đúng quy trình cho giảng viên mới. Như vậy, nhiều ứng viên tài năng, có chuyên môn và kinh nghiệm quản lý ở ngoài ngành sẽ rất cân nhắc khi dự tuyển. Việc tuyển dụng giảng viên, chuyên gia có quốc tịch nước ngoài cũng rất khó khăn với một trường chưa tự chủ vì cơ chế trả lương, đãi ngộ phải vượt khung quy định của nhà, do thiếu kinh nên tạo ra nhiều rào cản.

Thứ ba, khi tự chủ có năng lực tài chính để đầu tư phát triển cơ sở vật chất cho đào tạo chất lượng cao. Trong những năm gần đây, việc đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất, tạo môi trường học tập hấp dẫn là xu thế. Một số trường dân lập như Đại học Thăng Long, Đại học FENIKA, Vinuni, Đại học Văn Lang... đã xây dựng cơ sở vật chất rất bài bản để nâng cao chất lượng đào tạo. Khi tự chủ,

mức học phí của các trường đại học tự chủ sẽ cạnh tranh, thậm chí cao hơn mức thu của một số trường dân lập có danh tiếng. Do vậy, việc trang bị cơ sở vật chất tương xứng với mức thu học phí để cạnh tranh. Do được tự do các định học phí, các trường đại học tự chủ đã dần xây dựng các hệ đào tạo chất lượng và tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng tốt. Với các trường chưa tự chủ, rất khó khăn để nâng cấp cơ sở vật chất đáp ứng đào tạo chất lượng cao nếu mức thu học phí thấp.

Thứ tư, tự chủ sẽ thúc đẩy hoạt động hợp tác quốc tế. Khi tự chủ tài chính, các trường tự chủ buộc phải tổ chức đào tạo chất lượng cao. Từ phía thị trường cũng có một bộ phận người học nhu cầu học tập trong nước theo các chương trình quốc tế nhưng không đủ kinh phí học tập tại nước ngoài. Do vậy, các trường tự chủ sẽ thúc đẩy hợp tác để đáp ứng phân khúc này. Có thể thấy, việc thúc đẩy xu hướng đào tạo cấp song bằng, đào tạo lấy bằng quốc tế đang được mở rộng mạnh mẽ ở các trường kinh tế và quản lý tự chủ tài chính ở Việt Nam như FTU, NEU, UEB, Đại học Thương mại. Các chương trình hợp tác quốc tế này mang lại danh tiếng, thu nhập, thúc đẩy phát triển đội ngũ cho nhiều trường đại học tự chủ. Thậm chí, chỉ một viện đào tạo quốc tế ở trường tự chủ mang lại doanh thu gấp tương đương một trường chưa tự chủ quy mô như APD.

Thứ năm, tự chủ tài chính sẽ giúp nhà quản lý, giảng viên, nhân viên và cả sinh viên có tư duy thị trường, không phụ thuộc vào ngân sách.

Khi tự chủ tài chính, cả hệ thống đào tạo từ cấp cao nhất đến thấp nhất phải chung mục tiêu "Thiết lập hệ thống, chương trình đào tạo chất lượng cao hướng tới thị trường". Do vậy, mọi hoạt động đào tạo, tuyển sinh đều phải lấy người học làm

trung tâm, tư duy bao cấp, dựa vào nhà nước được cởi bỏ. hệ thống đào tạo buộc phải hoạt động theo cơ chế thị trường. Do vậy, phương thức quản lý giáo dục theo cơ chế thị trường sẽ phát triển mạnh, thấm vào từng cán bộ, người học qua đó ảnh hưởng cả đến chất lượng đào tạo.

1.5. Nhược điểm khi tự chủ tài chính với các trường kinh tế.

Bên cạnh những ưu điểm thì tự chủ tài chính sẽ có nhược điểm làm nhiều trường đại học sợ không dám tự chủ tài chính, những nhược điểm xuất hiện phổ biến là:

Thứ nhất, một số trường đào tạo chưa kịp đổi mới để xây dựng các ngành nghề phù hợp với thị trường, có sự hấp dẫn để thu hút người học. Khi tự chủ có thể gặp rủi ro không tuyển sinh được số lượng người học ở quy mô hoà vốn. Do vậy, để tự chủ được tốt thì các trường phải thiết lập được một nền tảng thương hiệu, uy tín, cơ sở vật chất ở mức độ nhất định để thu hút được người học.

Thứ hai, một số trường kinh tế nhưng ở địa bàn xa, ở địa bàn kinh tế khó khăn nên chưa đủ mức độ hấp dẫn để cạnh tranh với các trường top đầu. Những cơ sở đào tạo này phải có chiến lược phát triển phù hợp mới có thể tự chủ và phát triển mạnh mẽ như: Liên kết, hợp tác với các trường đại học top đầu, thậm chí sáp nhập với các trường đại học top đầu.

Một ví dụ là FTU đã được tỉnh Quảng Ninh bàn giao một trường trung cấp ở Uông Bí khi trường này gặp khó khăn. Sau khi FTU tiếp quản và đào tạo thì đã tuyển sinh và đào tạo thành công Quảng Ninh, giảm gánh nặng ngân sách cho tỉnh Quảng Ninh, đóng góp công tác đào tạo cho tỉnh và tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế, việc làm tại địa phương. Về phía FTU, cơ sở Quảng

Ninh vẫn đảm bảo cơ chế thu đủ bù chi theo cơ chế tự chủ. Đây là bài học thành công của các tỉnh trong việc cơ cấu lại các cơ sở đào tạo thuộc tỉnh.

Thứ ba, một số trường đại học ngại chi phí cao, không thể đảm đương nổi khi tự chủ. Do cơ chế tự chủ đòi học phải hạch toán khấu hao, số tiền khấu hao.

Một số trường kinh tế có lịch sử chưa lâu, cơ sở vật chất đang trong quá trình hình thành (Ví dụ như APD) sẽ gặp khó khăn trong quá trình tự chủ do tính toán chi phí vận hành, khấu hao tài sản lớn khi tự chủ. Tuy nhiên, thực tế cho thấy khi đầu tư cơ sở vật chất quy mô, hiện đại có tác động tích cực, dài hạn đến danh tiếng và năng lực tài chính của Trường đại học.

Ví dụ: Trường đại học Tôn Đức Thắng. Sau khi trường Đại học Tôn Đức Thắng được đầu tư bài bản, có cơ chế thu học phí cao thì Trường đã phát triển trở thành một trong những trường Công lập danh tiếng ở TP Hồ Chí Minh với cơ sở vật chất khang trang, một số năm được xếp hạng quốc tế cao.

Từ kinh nghiệm, Đại học Tôn Đức Thắng, theo quan điểm của tác giả các trường đại học đã hình thành thương hiệu, nên có chiến lược tự chủ sớm là giải pháp hợp lý và khả thi để thúc đẩy phát triển.

Thứ tư, khó khăn tự chủ do tư tưởng e ngại tự chủ của lãnh đạo các cơ sở đào tạo. Theo tác giả, một số Bộ chủ quản cũng khuyến khích các trường đại học thuộc bộ tự chủ sớm do sẽ giảm được biên chế, tài chính hỗ trợ cho các cơ sở đào tạo. Biên chế và nguồn lực tài chính này sẽ được phân bổ cho các đơn vị cần hơn. Hơn nữa, chủ trương của Đảng và nhà nước sẽ dần cấu trúc lại, thúc đẩy lộ trình tự chủ cho các cơ sở công có điều kiện hoạt động theo cơ chế thị trường. Do vậy, quá trình tự chủ của các

trường đại học khối kinh tế quản lý ở các đô thị lớn là tất yếu. Tuy nhiên, lãnh đạo các cơ sở đào tạo cũng sẽ trăn trở, e ngại vì tự chủ là quá trình tự khẳng định, nếu không thành công có thể bị tái cấu trúc, thậm chí sáp nhập vào các trường danh tiếng hơn. Do vậy, không ít lãnh đạo các trường đại học vẫn còn tâm lý e ngại khi thực hiện lộ trình tự chủ.

4. Giải pháp thúc đẩy quá trình tự chủ đại học tại các trường đại học khối kinh tế, quản lý

1.1. Về phía cơ sở đào tạo

Các trường đại học, học viện chưa tự chủ trong khối kinh tế phải xác định quá trình tự chủ là quá trình bắt buộc phải trải qua nếu muốn phát triển mạnh mẽ vì đó là định hướng của Đảng, nhà nước đối với lĩnh vực đào tạo đại học khối ngành kinh tế và quản lý. Chủ trương này đã thể hiện ngay khi Luật giáo dục được ban hành. Ngược lại, phía các cơ sở đào tạo cần nhận thức giai đoạn thúc đẩy tự chủ vừa mang lại cơ hội nhưng cũng có nhiều thách thức phải trải qua. Nhìn nhận lại các trường tự chủ thành công có thể thấy, để thành công khi tự chủ đòi hỏi:

Thứ nhất, xây dựng lộ trình tự chủ rõ ràng và có các bước tăng ngành học hấp dẫn để tăng quy mô đào tạo, tập hợp lực lượng giảng viên giỏi trong quá trình tự chủ.

Quy mô nhà trường phải tuyển dụng được một lượng sinh viên đủ lớn để đạt đến điểm hoà vốn tự chủ. Ví dụ nếu trường có quy mô từ 2000 - 3000 Sinh viên/khoá, tổng số sinh viên đóng học phí đạt mức 8.000 - 12000 sinh viên. Với quy mô này, khi tăng học phí (chỉ cần 1 triệu/tháng/sv) doanh thu có thể tăng từ 80 tỷ/năm đến 120 tỷ/năm, có thể bù đắp được các chi phí khấu hao, khoản hỗ trợ từ ngân sách và đảm bảo được thu nhập có thể duy trì đội ngũ giảng

viên. Các trường đào tạo các hệ quốc tế có mức thu cao thì số lượng sinh viên có thể giảm đi nhưng vẫn phải ở quy mô trên điểm hoà vốn được xác định.

Thứ hai, xây dựng mô trường sư phạm thân thiện kết hợp với chính sách khuyến khích giữ chân cán bộ, giảng viên có năng lực.

Con người là yếu tố quyết định trong quá trình phát triển của mọi tổ chức, với tổ chức giáo dục thì giảng viên chính là lực lượng lao động trực tiếp quyết định chất lượng giáo dục do giảng viên là nhân lực đông nhất trong trường đại học, trực tiếp truyền đạt kiến thức, định hướng nhân cách, hoài bão cho người học. Chính vì vậy, công tác đào tạo, tuyển dụng, thu hút giảng viên giỏi sẽ ngày càng nóng bỏng trong thị trường giáo dục khi các trường đại học công lập tự chủ trở thành xu thế.

Việc giữ chân, tuyển dụng người có năng lực tại các tổ chức giáo dục chưa tự chủ sẽ gặp khó khăn khi các trường tự chủ, các trường dân lập đẩy mạnh đào tạo, cạnh tranh phân khúc đào tạo chất lượng cao. Do vậy, các cơ sở đào tạo đại học chưa tự chủ dễ gặp khó khăn khi giữ chân giảng viên, cán bộ có năng lực bằng cạnh tranh tiền lương, tiền thưởng do tài chính hạn chế. Do vậy, các trường đại học trong lộ trình chuẩn bị tự chủ cần có phải xây dựng được môi trường sư phạm chuẩn mực để thu hút, giữ chân cán bộ, giảng viên giỏi cả bằng các biện pháp phi tài chính. Đối với các trường chưa tự chủ, thu hút giảng viên, cán bộ bằng các chính sách khuyến khích phi tài chính là yếu tố quan trọng để cạnh tranh thu hút nhân tài.

Thứ ba, thúc đẩy tuyển dụng cán bộ, giảng viên trẻ, có năng lực chuyên môn cao phù hợp với lộ trình tự chủ.

Giảng viên là nghề nghiệp đặc biệt là “Đào tạo con người” nên người giảng viên sẽ

có sức truyền tải, lan toả tri thức, ảnh hưởng mạnh đến sự hình thành nhân cách đạo đức, tri thức, trách nhiệm xã của người học. Do vậy, khi tuyển dụng cần phải có tiêu chuẩn tuyển dụng cao về chuyên môn, ngoại ngữ, lịch sử đào tạo, làm việc, có năng lực thuyết phục để tìm ra những ứng viên trẻ có tiềm năng, đạo đức và tâm huyết với nghề. Thực tiễn cho thấy, làm giảng viên bình thường đã khó nhưng làm giảng viên giỏi, đủ năng lực đào tạo chất lượng cao càng khó khăn.

Để tự chủ thành công, số lượng giảng viên, cán bộ phải có quy mô từ 300 -400 giảng ứng với số lượng sinh viên từ 8000 người học - 10.000 người học. Tuy nhiên, để có đội ngũ giảng viên, cán bộ giảng dạy giỏi cần có thời gian đào tạo, phát triển chuyên môn, cọ sát với thực tiễn. Do hạn chế tài chính, rất khó có thể tuyển dụng được số lượng giảng viên tài năng nay do vậy cần tuyển sớm các giảng viên trẻ, có năng lực để đào tạo, bồi dưỡng họ theo lộ trình tự chủ. Thiết lập bộ tiêu chí để tăng trường tuyển dụng giảng viên trẻ có năng lực, đào tạo, bồi dưỡng họ là con đường hợp lý nhất để xây dựng đội ngũ giảng viên mạnh vì đơn vị chưa tự chủ rất khó khăn khi thu hút nhân tài đã có danh tiếng từ các cơ sở đào tạo, đơn vị khác, thậm chí còn có nguy cơ chảy máu tài năng.

Thứ tư, sự quyết tâm hướng tới tự chủ đại học từ phía cán bộ, giảng viên nhất là lãnh đạo nhà trường.

Để có thể tự chủ thành công đòi hỏi toàn bộ lãnh đạo, cán bộ, giảng viên phải hiểu rõ xu hướng tự chủ đang diễn ra mạnh mẽ trong các trường đại học kinh tế và quản lý. Tự chủ đại học là con đường bắt buộc phải trải qua nếu muốn phát triển và xây dựng năng lực cạnh tranh, nếu không muôn suy thoái. Do vậy, trách nhiệm các cấp quản lý,

lãnh đạo của cơ sở đại học hướng tới tự chủ càng lớn, lãnh đạo các cơ sở hướng tới tự chủ phải coi tự chủ đại học là “nhiệm vụ trọng tâm có tính chất quyết định phát triển dài hạn”, tập trung nguồn nhân lực, vật lực để đề ra kế hoạch tự chủ sớm vì tự chủ càng muộn thì càng khó thiết lập năng lực cạnh tranh.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên cần hiểu rõ sự khó khăn trong giai đoạn đầu tự chủ để đoàn kết, chia sẻ, ủng hộ chủ trương tự chủ của lãnh đạo cơ sở đào tạo. Nếu không có sự đồng lòng, chung sức của toàn thể cán bộ, giảng viên thì đội ngũ lãnh đạo sẽ gặp rất nhiều khó khăn, khó có thể thực hiện tự chủ đại học.

Để kết thúc bài viết này, tôi xin đưa ra nhận định “Trong xu thế tự chủ đại học hướng tới thị trường, các trường Đại học đào tạo về kinh tế và quản lý khó có thể duy trì năng lực cạnh tranh, khó có thể được xếp hạng cao nếu không thoát khỏi cơ chế bao cấp, không tự chủ đại học”

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Giáo dục đại học 2018 số 34/2018/QH14
2. Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT quy định chuẩn giáo dục đào tạo các trình độ giáo dục đào tạo.
3. Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.
4. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Quy định cơ chế tự chủ đối với đơn vị công lập.
5. Hoàng Thị Xuân Hoa, 12/2022, Tự chủ đại học, xu thế phát triển, Bản tin số 253 Đại học quốc gia. <https://www.vnu.edu.vn/btdhqghn/?C2145/N12636/Tu-chu-dai-hoc:-Xu-the-cua-phat-trien.htm>.

6. Hồng Vân (2021), Rộng đường cho đơn vị công lập tự chủ tài chính, Thời báo Tài chính Việt Nam số ra ngày 09/07/2021.

7. Luật giáo dục đại học 2012 số 08/2012/QH13 ban hành ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học số 2018/34/QH14 ban hành ngày 2018/11/19.

8. Thanh Xuân, 5/08/2022, Việt Nam có 5 trường đại học tự chủ có tổng thu trên 1000 tỷ/năm. Trang điện tử của Thời báo kinh tế Việt Nam ngày 05/08/2022. <https://vneconomy.vn/viet-nam-co-5-truong-dai-hoc-tu-chu-co-tong-thu-tren-1-nghin-ti-nam.htm>.

9. Jong-Hak Eun and Keun Lee (2006), Explaining the “University-run enterprises” in China: A theoretical framework for university-industry relationship in developing countries and its application to China (Giải thích về “Doanh nghiệp do trường đại học điều hành” ở Trung Quốc: Khung lý thuyết về mối quan hệ giữa trường đại học và ngành công nghiệp ở

các nước đang phát triển và ứng dụng của nó đối với Trung Quốc), Resear Policy 35 (9): page 1329-1346

10. Reehana Raza for (2009) Examining autonomy and accountability in public and private tertiary institution (Rà soát quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình trong trường đại học công lập và tư thục), The World Bank.

<https://documents1.worldbank.org/curated/en/267671468158063464/pdf/526540WP0Auton145574B01PUBLIC110pdf.pdf>

11. Yinmei Wan (2006) Expansion of Chinese higher education since 1998: Its causes and outcomes (sự mở rộng của giáo dục đại học ở Trung Quốc từ năm 1998: Những nguyên nhân và kết quả), Asia Economics Review, 2006, Vol 7, No 1, page 19-31.

12. Lê Hùng Đại (2019) Tự chủ đại học: Khái niệm và chính sách giáo dục ở Việt Nam, Tạp chí Cộng sản số tháng 3 năm 2019.